

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục đóng cửa giảm gần 6 điểm hôm nay. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 11/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Công nghệ thông tin dẫn đầu đà giảm, theo sau là ngành Bảo hiểm, Dầu khí,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. SMA10 và SMA20 vẫn đang đóng vai trò hỗ trợ khá tốt cho thị trường. Xu hướng giằng co vẫn chưa có dấu hiệu kết thúc. Thông tin đáng chú ý trong phiên ngày mai: ngày 19/09 dự kiến là ngày hoàn tất việc cơ cấu danh mục của quỹ ETF.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 18/09/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-5.79** điểm, đóng cửa tại **1665.18** điểm. HNX-Index **-0.71** điểm, đóng cửa tại **276.92** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+1.74)**, **VHM (+0.57)**, **STB (+0.35)**, **HVN (+0.23)**, **VIX (+0.18)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.73)**, **FPT (-0.97)**, **VNM (-0.71)**, **ACB (-0.70)**, **GAS (-0.54)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **25,460** tỷ đồng, giảm **-13.79%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 27,827 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 34.05 điểm. Thị trường có **108** mã tăng, 60 mã tham chiếu, **208** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1512.46** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIC (-212.85 tỷ)**, **VHM (-132.03 tỷ)**, **SSI (-123.43 tỷ)**, **VIX (-121.45 tỷ)**, **MSN (-89.24 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-98.62** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.61%**. Các mã diễn biến tích cực:
STB (+1.42%)
MWG (+0.64%) [\(Link báo cáo\)](#)
PDR (+0.64%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.32%**. Các mã diễn biến tích cực:
NKG (+2.84%) [\(Link báo cáo\)](#)
HDG (+2.78%) [\(Link báo cáo\)](#)
HHV (+2.36%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.61%	-0.32%	-0.35%	-0.38%
1 tuần	1.17%	0.84%	0.45%	0.36%
1 tháng	0.89%	-3.50%	0.66%	2.83%
3 tháng	19.81%	24.04%	23.41%	29.72%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,665.18	276.92	111.10
% 1D	-0.35%	-0.26%	-0.61%
GTKL (tỷ VND)	25,460	1,486	417
%1D	-13.79%	-15.16%	-42.10%
GDNN (tỷ VND)	-1512.46	-98.62	-88.46

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
GEX	69.22	VIC	-212.85
HVN	50.49	VHM	-132.03
NKG	35.19	SSI	-123.43
VPB	23.18	VIX	-121.45
VHC	16.98	MSN	-89.24

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,600	-0.10%	1.05%
FTSE100	9,239	0.33%	-0.63%
Eurostoxx	5,437	1.30%	1.00%
Shanghai	3,832	-1.15%	-1.13%
Nikkei	45,303	1.15%	3.40%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

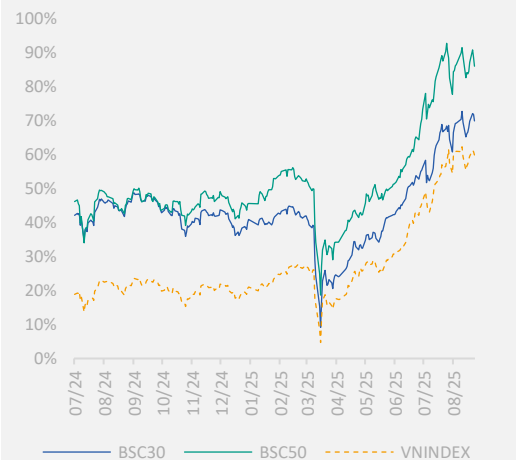
	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	67.67	-0.41%
Giá vàng	3,671	-0.83%

Tỷ giá		
USD/VND	26,445	-0.05%
EUR/VND	31,953	-0.37%
JPY/VND	184	0.00%

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.7%	0.01%
LS LNH 1M	5.1%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

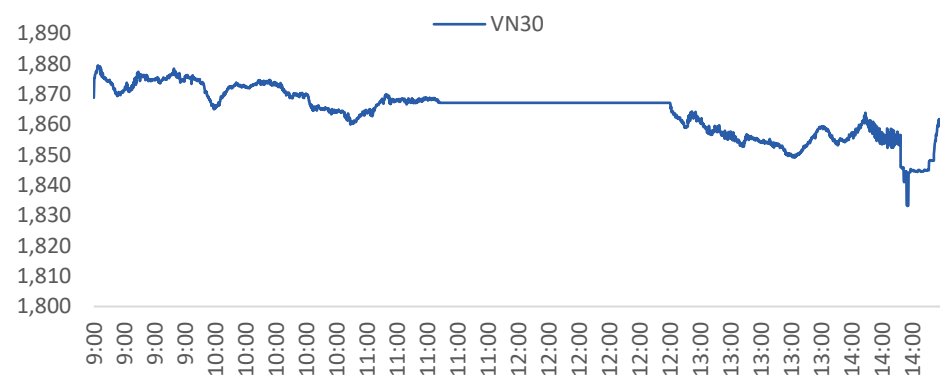
Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1856.60	-0.91%	242,358	-1.6%	18/09/2025	0
41I1FA000	1850.00	-1.02%	36,295	166.6%	16/10/2025	28
VN30F2512	1839.60	-1.04%	209	33.1%	18/12/2025	91
41I1G3000	1826.50	-0.73%	104	85.71%	19/03/2026	182

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -7.11 điểm, đóng cửa tại 1861.74 điểm. Biên độ dao động 46.36 điểm. Các cổ phiếu như FPT, ACB, VNM, VJC, VPB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 để mất đà tăng từ cuối phiên sáng. Chỉ số kết phiên trong sắc đỏ với thanh khoản tiếp tục nằm dưới đường MA20. Trong ngắn hạn thị trường có thể tiếp tục rung lắc trước khi xác định các xu hướng dài hạn. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2509.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVIC2507	19/11/2025	62	100	-0.42%	58.89	17,100	13.2%	17.32	144.39	145.00	145.00
CVIC2511	4/05/2026	228	26,900	8.40%	113.98	5,400	8.9%	4.61	157.18	145.00	145.00
CVHM2408	4/11/2025	47	100	4.15%	38.00	17,450	8.4%	16.43	107.80	103.50	103.50
CVRE2508	20/10/2025	32	4,300	3.47%	20.89	2,590	7.9%	2.35	31.25	30.20	30.20
CVHM2512	20/05/2026	244	7,500	7.44%	58.00	13,300	7.7%	11.85	111.20	103.50	103.50
CLPB2502	14/10/2025	26	286,800	1.26%	34.47	2,470	6.9%	2.37	45.97	45.40	45.40
CMSN2508	19/11/2025	62	1,055,200	7.71%	79.78	1,070	5.9%	0.76	90.48	84.00	84.00
CHPG2522	23/03/2026	186	26,100	6.16%	21.65	3,720	5.7%	3.31	30.94	29.15	29.15
CVRE2509	19/11/2025	62	6,000	4.75%	21.56	2,520	5.0%	2.21	31.64	30.20	30.20
CVRE2407	4/11/2025	47	200,000	4.83%	16.00	7,830	5.0%	7.15	31.66	30.20	30.20
CSTB2510	19/11/2025	62	600	1.40%	44.00	3,450	4.9%	3.38	57.80	57.00	57.00
CVHM2511	13/04/2026	207	400	6.67%	58.00	13,100	4.8%	11.77	110.40	103.50	103.50
CSTB2524	23/06/2026	278	2,000	16.49%	53.90	2,500	4.6%	2.01	66.40	57.00	57.00
CSTB2512	23/02/2026	158	800	5.40%	46.00	3,520	4.5%	3.29	60.08	57.00	57.00
CSTB2513	12/01/2026	116	47,900	2.53%	39.00	4,860	4.3%	4.68	58.44	57.00	57.00
CSTB2521	23/06/2026	278	20,400	9.89%	50.00	3,160	4.3%	3.06	62.64	57.00	57.00
CVHM2508	19/11/2025	62	100	2.36%	54.44	10,300	4.0%	9.90	105.94	103.50	103.50
CLPB2504	3/12/2025	76	100	3.47%	35.66	2,830	3.7%	2.60	46.98	45.40	45.40
CSTB2514	13/04/2026	207	1,050,600	3.82%	39.50	4,920	3.6%	4.77	59.18	57.00	57.00
CSTB2502	26/09/2025	8	300	-0.56%	35.50	7,060	3.2%	7.18	56.68	57.00	57.00

Nguồn: BSC

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 18/09/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CVIC2507 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 13.25%. CHPG2504 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.91%.
- CMBB2507, CFPT2503, CFPT2502, CFPT2510, CFPT2508 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2502, CVIC2509, CVIC2506, CVIC2507, CVIC2508 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30			
	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	145.00	1.33%	2.60
STB	57.00	1.42%	1.03
MWG	78.50	0.64%	0.81
VHM	103.50	0.58%	0.65
TCB	38.80	0.26%	0.28

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30			
	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	103.00	-2.37%	-3.17
ACB	25.55	-2.29%	-1.82
VNM	63.60	-2.30%	-1.77
VJC	139.80	-1.55%	-0.85
VPB	30.80	-0.65%	-0.62

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	145.00	1.33%	1.74	3.88
VHM	103.50	0.58%	0.57	4.11
STB	57.00	1.42%	0.35	1.89
HVN	37.90	1.20%	0.23	2.21
VIX	37.00	1.37%	0.18	1.53

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	86.00	2.50%	0.44	0.30
HUT	20.10	1.01%	0.12	0.89
HGM	312.00	2.19%	0.06	0.01
BCF	39.00	4.84%	0.05	0.04
TIG	9.50	3.26%	0.04	0.19

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HU1	7.66	6.98%	0.00	0.05
COM	42.15	6.98%	0.01	0.01
VNE	8.31	6.95%	0.01	1.22
SVI	55.60	6.92%	0.01	0.00
ACL	13.25	6.85%	0.01	0.17

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTT	21.30	9.79%	0.04	0.00
VE3	8.00	9.59%	0.00	0.00
NBP	11.70	9.35%	0.06	0.31
TKU	14.00	7.69%	0.20	0.00
POT	22.70	7.58%	0.13	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	63.90	-1.39%	-1.73	8.36
FPT	103.00	-2.37%	-0.97	1.70
VNM	63.60	-2.30%	-0.71	2.09
ACB	25.55	-2.29%	-0.70	5.14
GAS	63.00	-1.56%	-0.54	2.34

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BAB	14.10	-2.76%	-0.26	0.96
PVS	34.70	-1.98%	-0.23	0.48
SHS	25.30	-1.17%	-0.18	0.89
NVB	15.10	-0.66%	-0.08	1.17
VCS	51.90	-1.33%	-0.08	0.16

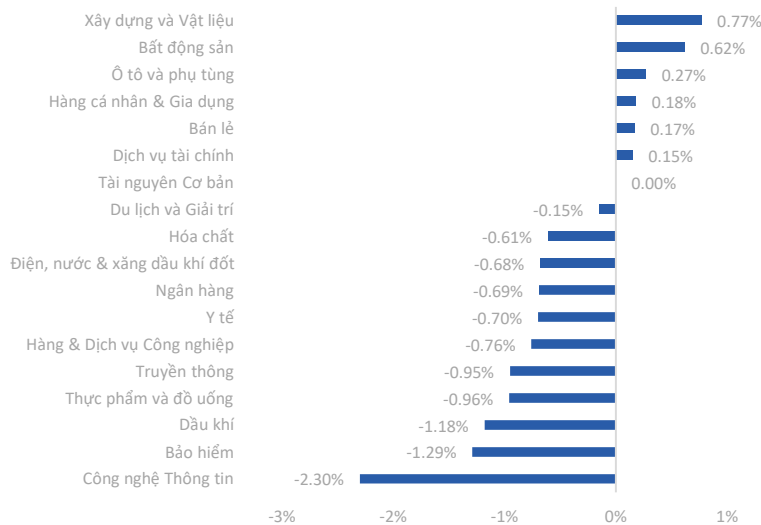
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAH	4.07	-6.86%	-0.01	1.77
CLW	50.30	-6.85%	-0.01	0.00
TIX	43.00	-6.52%	-0.02	0.00
SRC	41.50	-5.68%	-0.02	0.03
FUCVREIT	8.31	-5.46%	0.00	0.00

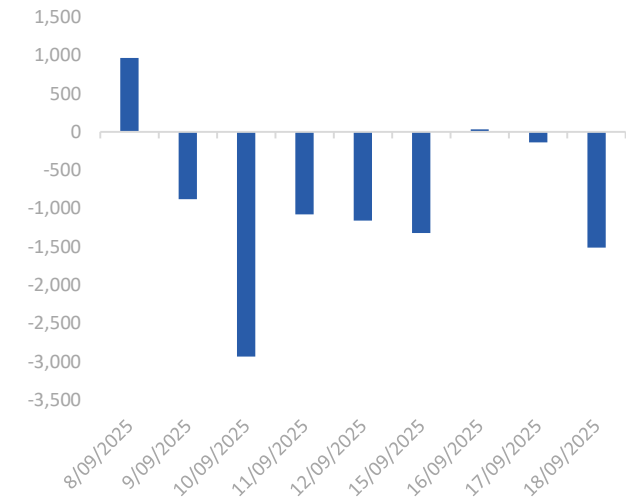
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
AME	8.40	-9.68%	-0.21	0.00
ECI	8.60	-9.47%	-0.01	0.00
HDA	5.70	-8.06%	-0.05	0.10
SHE	6.90	-6.76%	-0.03	0.01
SJ1	11.20	-6.67%	-0.13	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	78.5	0.6%	1.3	115,320	749.8	3,304	23.6	84,700	47.1%	Link
KBC	Bất động sản	36.7	0.3%	1.5	34,468	266.1	1,835	20.0	-	13.2%	Link
KDH	Bất động sản	33.4	-0.3%	1.4	37,594	110.9	716	46.8	39,900	31.6%	Link
PDR	Bất động sản	23.5	0.6%	1.8	22,830	597.8	177	131.9	28,200	10.4%	Link
VHM	Bất động sản	103.5	0.6%	0.8	422,653	601.1	6,984	14.7	92,000	9.9%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	103.0	-2.4%	0.8	179,720	1239.9	5,092	20.7	118,700	37.1%	Link
BSR	Dầu khí	26.9	-0.9%	0.0	84,024	189.6	(16)		23,200	0.4%	Link
PVS	Dầu khí	34.7	-2.0%	1.5	16,920	112.3	2,644	13.4	42,800	10.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.9	-0.2%	1.4	29,051	166.3	1,095	24.6		37.5%	
SSI	Dịch vụ tài chính	40.8	0.5%	1.4	84,282	1106.1	1,573	25.8		39.2%	
VCI	Dịch vụ tài chính	43.3	0.1%	1.2	31,216	248.1	1,369	31.6		27.5%	
DCM	Hóa chất	38.2	-0.7%	1.5	20,355	67.3	3,186	12.1	47,300	6.8%	Link
DGC	Hóa chất	98.8	-1.0%	1.3	37,902	152.5	8,175	12.2	109,300	12.9%	Link
ACB	Ngân hàng	25.6	-2.3%	0.9	134,324	590.2	3,305	7.9	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	40.8	-0.5%	0.9	287,876	192.1	3,683	11.1	49,500	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	51.2	-0.4%	1.2	276,018	424.1	5,608	9.2	53,500	26.4%	Link
HDB	Ngân hàng	30.7	-0.7%	1.2	107,997	431.3	4,075	7.6	30,800	17.1%	Link
MBB	Ngân hàng	26.8	-0.7%	1.1	217,485	475.4	3,046	8.9	32,000	22.5%	Link
MSB	Ngân hàng	13.6	-2.5%	1.1	43,524	147.4	1,634	8.5	14,000	29.7%	Link
STB	Ngân hàng	57.0	1.4%	1.0	105,949	598.6	6,148	9.1		18.9%	
TCB	Ngân hàng	38.8	0.3%	1.1	274,238	529.3	3,018	12.8	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	18.9	-2.3%	1.2	50,990	367.6	2,423	8.0	-	24.7%	Link
VCB	Ngân hàng	63.9	-1.4%	0.8	541,448	565.0	4,148	15.6	75,700	21.7%	Link
VIB	Ngân hàng	20.6	-0.5%	0.9	70,293	164.8	2,218	9.3	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	30.8	-0.7%	1.2	245,952	824.8	2,193	14.1	35,600	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	29.2	-0.2%	1.3	224,124	2198.1	1,750	16.7	34,300	19.0%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	19.7	0.3%	1.6	12,202	117.4	751	26.2	23,800	9.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.9	-1.1%	1.2	10,853	202.2	4,124	6.8	31,700	4.4%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	84.0	-0.2%	1.4	121,746	567.5	1,861	45.2	92,700	24.9%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	63.6	-2.3%	0.6	136,056	324.8	4,101	15.9	64,500	49.2%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	43.5	-3.33%	1.5	9,863	117.4	2,216	20.3	23.1%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	132.5	-0.75%	0.6	22,735	77.9	3,163	42.2	31.1%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	58.7	-1.34%	1.2	44,168	12.2	3,278	18.2	27.2%	10.5%	
DIG	Bất động sản	24.2	2.11%	1.5	15,288	383.3	211	111.8	5.7%	1.8%	
DXG	Bất động sản	22.9	-0.43%	1.5	23,434	636.8	350	65.8	24.4%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	34.9	1.46%	1.4	6,126	120.3	482	71.3	5.8%	3.8%	
HDG	Bất động sản	31.5	2.78%	1.5	11,321	135.0	540	56.7	19.4%	3.2%	Link
IDC	Bất động sản	42.4	-0.24%	1.5	16,129	19.2	3,977	10.7	16.3%	27.3%	Link
NLG	Bất động sản	40.6	-0.49%	1.5	15,692	50.9	1,709	23.9	45.9%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	58.7	0.00%	1.2	14,212	15.3	5,215	11.3	4.0%	28.1%	
SZC	Bất động sản	34.1	-1.30%	1.3	6,210	33.9	1,978	17.4	2.7%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	21.0	-1.41%	1.6	18,503	148.3	1,099	19.4	10.4%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	145.0	1.33%	0.9	551,367	1066.9	3,487	41.0	3.8%	9.6%	
VRE	Bất động sản	30.2	0.00%	1.0	68,624	208.9	1,937	15.6	17.4%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	41.5	-2.81%	1.4	9,042	27.6	1,701	25.1	38.5%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	35.6	-1.39%	1.0	45,868	57.6	1,661	21.7	16.0%	8.2%	Link
PVD	Dầu khí	23.0	-2.13%	1.4	13,063	179.1	1,428	16.5	3.9%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	37.4	-1.06%	1.5	13,098	52.1	1,348	28.1	25.0%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	35.7	-0.28%	1.7	20,506	199.8	1,554	23.0	6.0%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.0	-1.56%	1.1	154,429	46.3	5,002	12.8	1.8%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.4	0.66%	1.3	35,714	95.1	636	24.0	2.6%	4.6%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.7	-1.04%	0.8	36,508	49.4	4,417	15.3	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	139.8	-1.55%	0.7	84,009	295.4	3,427	41.4	7.2%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	54.6	0.37%	1.6	49,091	281.5	1,736	31.3	7.1%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	73.0	-0.82%	1.2	30,926	206.2	3,826	19.2	41.6%	12.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.8	-1.56%	1.2	9,743	85.5	5,700	10.1	6.2%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.2	-0.55%	1.2	8,600	38.5	2,306	7.9	8.0%	13.8%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	103.3	-1.62%	0.0	12,787	62.5	3,317	31.7	4.7%	25.2%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	88.1	1.15%	1.1	29,432	72.2	6,115	14.2	49.0%	18.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	31.1	-0.80%	1.0	3,512	40.0	2,693	11.6	50.0%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	21.2	1.92%	1.5	2,550	13.6	2,841	7.3	17.4%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	26.6	-1.30%	1.4	18,290	57.3	957	28.1	7.3%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	28.8	-0.35%	1.5	115,600	46.5	1,331	21.7	0.4%	9.9%	
EIB	Ngân hàng	26.7	-0.56%	1.0	49,921	193.4	1,783	15.0	5.3%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	45.4	0.22%	0.4	135,324	142.9	3,324	13.6	0.8%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	15.2	-0.65%	0.0	26,250	31.6	2,260	6.8	1.6%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	13.0	-0.38%	0.9	34,620	47.2	1,130	11.5	19.6%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	19.9	2.84%	1.4	8,660	432.3	666	29.1	6.5%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	27.7	-1.95%	1.5	7,508	60.2	1,871	15.1	2.7%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.0	0.00%	0.6	10,322	46.1	1,981	17.1	3.2%	15.5%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.8	-1.06%	0.7	60,665	55.9	3,185	14.9	58.6%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	63.5	-1.09%	1.2	14,410	142.4	6,444	10.0	21.1%	16.3%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	148.6	-1.26%	0.5	12,320	12.1	13,894	10.8	85.4%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	81.8	-1.33%	1.3	8,409	59.4	4,512	18.4	47.6%	5.1%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	91.0	-0.66%	1.3	10,478	23.7	4,930	18.6	6.2%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.8	0.00%	1.5	4,516	45.3	2,518	17.8	3.9%	12.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	15.2	2.36%	1.4	7,362	137.2	1,077	13.7	10.0%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	26.3	0.77%	1.1	9,334	140.1	1,189	22.0	14.4%	7.7%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	27.3	1.49%	1.1	17,390	286.8	1,195	22.5	8.6%	9.5%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	58.0	1.58%	1.5	25,601	25.8	3,343	17.1	5.9%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
3	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
6	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
11	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
12	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
13	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
15	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
16	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
17	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
18	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
19	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
20	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
21	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
22	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
23	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
24	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
25	BSC_Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>